

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 28/7/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn D

Bà Nguyễn Thị C

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền B - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 235/2020/TLST - DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 03/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 17/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng CT

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng H - Trưởng phòng giao dịch C.
Có mặt.

Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn ĐH, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn ĐH, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng CT trình bày:

Ngân hàng CT cho ông Hà Văn C vay vốn tại Hợp đồng cho vay số 363/2028 - HĐCV/NHCT500 ngày 10/7/2018 với số tiền là 200.000.000 đồng, mục đích vay vốn: thu mua bò lời; thời hạn cho vay 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,3%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 10%/năm; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Để

đảm bảo khoản vay, ông Hà Văn C đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 308/HĐTC ngày 29/06/2017, được công chứng ngày 29/6/2017 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh G và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay vốn ông Hà Văn C đã vi phạm hợp đồng, đến kỳ hạn trả nợ ông Hà Văn C không trả nợ gốc theo như Hợp đồng đã ký kết. Từ ngày 11/7/2019, ông Hà Văn C không thực hiện việc trả gốc và lãi theo đúng cam kết đã thỏa thuận mặc dù Ngân hàng đã thông báo, mời làm việc nhiều lần, do đó, toàn bộ số tiền vay của ông C tại Hợp đồng cho vay nói trên đã bị quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng CT đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc ông Hà Văn C và bà Phạm Thị D phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CT.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Văn C chủ động đề nghị tự bán tài sản bảo đảm để trả nợ và được Ngân hàng CT đồng ý, ngày 26/01/2022 ông C đã trả nợ cho Ngân hàng CT số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và 54.229.020 đồng tiền nợ lãi. Số tiền lãi còn nợ lại là 26.271.889 đồng. Vì vậy, nguyên đơn đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hà Văn C và bà Phạm Thị D phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CT số tiền 26.271.889 đồng.

*** Bị đơn anh Hà Văn C có lời khai, trình bày trong hồ sơ vụ án:** Vợ chồng anh có vay của Ngân hàng CT số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay vốn: thu mua bò; thời hạn cho vay 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,3%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 10%/năm; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Để đảm bảo khoản vay anh chỉ có thể chấp tài sản như nguyên đơn trình bày. Quá trình vay vốn do làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh mất khả năng thanh toán nên Ngân hàng có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh trả số tiền còn nợ theo hợp đồng vay đã ký kết. Ngày 26/01/2022 vợ chồng anh đã bán tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CT số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và 54.229.020 đồng tiền nợ lãi, số tiền nợ lãi còn lại là 26.271.889 đồng do bán tài sản không đủ trả nợ nên vợ chồng anh chưa trả được số tiền này. Tại thời điểm bán tài sản trả nợ, phía Ngân hàng có vào thỏa thuận là trong vòng 06 tháng nếu vợ chồng anh không còn tài sản thì sẽ xóa số nợ lãi phạt này. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng tôi thanh toán số tiền này thì thật sự chúng tôi quá khó khăn và mất khả năng thanh toán. Đề nghị ngân hàng xem xét xóa nợ cho vợ chồng anh.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có bất cứ lời khai hay lời trình bày nào tại hồ sơ vụ án.**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả

cho nguyên đơn tổng số tiền là 26.271.889 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị D nhưng chị D đều vắng mặt, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình; anh Hà Văn C vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị D.

[2] Về nội dung: Ngân hàng CT cho anh Hà Văn C vay vốn tại Hợp đồng cho vay số 363/2028 - HĐCV/NHCT500 ngày 10/7/2018 với số tiền là 200.000.000 đồng, mục đích vay vốn: thu mua bờ lờ; thời hạn cho vay 12 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,3%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 10%/năm; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Chị D cùng ký tên vào giấy đề nghị vay vốn cùng anh C. Đây là khoản vay nợ chung của anh C và chị D.

Để đảm bảo khoản vay, anh Hà Văn C và chị Phạm Thị D đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 308/HĐTC ngày 29/06/2017, được công chứng ngày 29/6/2017 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh G và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện Đ.

Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả nợ gốc, nợ lãi cũng như yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không trả được nợ là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Văn C chủ động đề nghị tự bán tài sản bảo đảm để trả nợ và được Ngân hàng CT đồng ý, ngày 26/01/2022 ông C đã trả nợ cho Ngân hàng CT số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và 54.229.020 đồng tiền nợ lãi. Số tiền lãi còn nợ lại là 26.271.889 đồng. Vì vậy, nguyên đơn đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hà Văn C và bà Phạm Thị D phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CT số tiền 26.271.889 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, được chấp nhận.

Bị đơn anh Hà Văn C cho rằng khi thực hiện việc bán tài sản trả nợ cho ngân hàng ngân hàng có thỏa thuận sau 06 tháng mà vợ chồng anh không thanh toán được số tiền còn nợ 26.271.889 đồng thì phía ngân hàng sẽ xóa khoản nợ này cho anh chị. Tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận sự việc này, anh C không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh, vì vậy không được xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT.

Buộc anh Hà Văn C và chị Phạm Thị D phải trả cho Ngân hàng CT số tiền 26.271.889 đồng (*Hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi một ngàn tám trăm tám mươi chín đồng*).

2. Về án phí:

Buộc anh Hà Văn C và chị Phạm Thị D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.313.594 đồng (*Một triệu ba trăm mười ba ngàn năm trăm chín mươi tư đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng CT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.920.804 đồng (*Ba triệu chín trăm hai mươi nghìn tám trăm lẻ bốn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000783 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/7/2023), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H